TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 30/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân D: Bà Phạm Thị Thỏa;

Bà Đỗ Thị Ấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Toà án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 12 tháng 10 năm 1977 tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 0/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T(đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1924; vợ: Triệu Thị Đ, sinh năm 1976; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giữ ngày 07/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Q; sinh năm 1973 tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 7/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938 (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971, con: Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 26/7/2017 bị Tòa án nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đến nay chưa được xóa án

tích; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị bắt, tạm giữ ngày 01/9/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Cháng Mí P; sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Triệu Thị Đ; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Phúc Đ; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Cháng Vả S; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

+ Anh Thào Mí P; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Hầu Chá S; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn N, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Tày:* Ông Nguyễn Văn H; nơi cư trú: Tổ 4 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 27/8/2018, Nguyễn Văn Đ sinh năm 1977, trú tại thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang thấy đường nước dẫn từ đầu nguồn về nhà bị tắc nên Đ một mình đi xe mô tô (xe mượn của anh Nguyễn Văn D cùng thôn) từ nhà đi lên đầu nguồn nước ở thôn K, xã D kiểm tra xem thế nào, đến nơi thấy nguồn nước có nhiều rác chắn nên đã vớt rác và thông đường nước chảy; trong khi thông đường nước Đ nhìn thấy trên lều hoang cách vị trí Đ khoảng 50 mét có 02 chiếc xe máy dựng ở trong lều, Đ đi đến kiểm tra phát hiện thấy 01 xe có khóa ổ khóa cổ bảo vệ, còn 01 xe thì không, sau đó Đ đi về nhà; đến khoảng 02 giờ ngày 28/8/2018, nảy sinh ý định lấy trộm xe máy đem bán lấy tiền tiêu sài nên Đ đi xe máy một mình tới phòng trọ của Nguyễn Văn Q sinh năm 1973, ở thôn C, xã D với mục đích rủ Q cùng đi lấy trộm xe máy, đến nơi thấy phòng trọ của Q ở vẫn bật điện sáng và cửa phòng đóng nhưng không khóa nên mở cửa đi vào thấy Q đang ngủ liền gọi*"Anh Q ơi ngủ rồi à, dậy em bảo cái này*"; khi Q dậy Đ bảo *"Chiều em đi xem nguồn nước thấy 02 xe máy để ở lều hoang, anh em mình đi dắt trộm một xe về tháo phụ tùng bán"*; nghe vậy Q nói *"Có ổn không?"*, Đ trả lời *"Cách xa khu D cư"*; ít phút sau

thấy Q còn phân vân nên Đ hỏi tiếp *"Anh có đi hay không, trời sắp sáng rồi?"*; lúc này Q liền đồng ý, rồi Đ điều khiển xe máy chở Q đi theo đường tỉnh lộ 176B đến đoạn đường ngã ba rẽ lên thôn K, xã D thì để xe máy ở đó rồi đi bộ khoảng 500 mét đến lều hoang là vị trí để 02 chiếc xe máy; do biết không có người trông coi nên Đ và Q đi thẳng vào trong lều; khi đó Đ là người trực tiếp vào dắt trộm chiếc xe máy không khóa ổ khóa cổ bảo vệ, chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, số máy JC43E5939253, số khung 432XBY035181, mang biển kiểm soát 23M1-13215 của anh Cháng Mí P sinh năm 1977, trú tại thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang để ở đó nhưng không có người trông coi và cũng không khóa ổ khóa cổ bảo vệ; Đ dắt chiếc xe máy trên ra ngoài rồi quay đầu xe hướng ra đường tỉnh lộ 176B còn Q giúp đẩy phía sau xe; khi đến vị trí để xe máy thì Q điều khiển xe máy của Đ, còn Đ điều khiển xe máy vừa lấy trộm được; hai người điều khiển xe tắt máy thả trôi dốc theo hướng xuống thôn C, xã D; vừa đi vừa quan sát tìm xem có bụi cây nào thuận lợi thì cất giấu xe máy lấy trộm được để tránh bị phát hiện, đi được khoảng 01km thấy có vị trí cất giấu xe thuận lợi ở ta luy âm cạnh đường nên Q và Đ dừng xe; lúc này Đ dắt xe vào bụi cây cách đường khoảng 03m, Q giúp đẩy phía sau xe và lấy những cây cỏ xung quanh, còn Đ bẻ một số cành cây để che phủ lên chiếc xe nhằm tránh bị phát hiện, xong hai người đi về phòng trọ của Q. Đến khoảng 17 giờ ngày 29/8/2018, Q đến quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Phúc Đ ở thôn C, xã D hỏi mượn được 01 chiếc tua vít; và đến khoảng 01 giờ ngày 30/8/2018, Đ và Q đi bộ đến vị trí cất giấu chiếc xe máy lấy trộm được với mục đích tháo phụ tùng của xe đem bán lấy tiền chia nhau tiêu sài; đến nơi Q và Đ đi bộ xung quanh vài phút để quan sát, thì Đ nghe có tiếng động nên lấy đèn pin ra soi phát hiện thấy có người phục bắt nên hô lên rồi 02 người cùng bỏ chạy; Đ chạy theo hướng lên thôn K, xã D; Q chạy theo hướng ngược lại về thôn N, xã D trốn đến khoảng 18 giờ cùng ngày mới dám về phòng trọ của mình; hành vi phạm tội của Đ và Q sau đó đã được phát hiện, ngày 31/8/2018 Q bị bắt còn Đ bỏ trốn đến ngày 06/9/2018 thì bị bắt.

Tại bản Kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số: 18/BB-HĐĐG ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Y kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 23 M1 – 13215 mà các bị cáo trộm cắp của anh Phừ có giá trị là 11.000.000^{đ}.

Trước cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra kèm sơ đồ bản ảnh, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Lời khai của các bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của bị hại Cháng Mí P; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Triệu Thị Đ, Nguyễn Phúc Đ, Nguyễn Văn D và lời khai của những người làm chứng Cháng Vả S, Hầu Chá S, Thào Mí P.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-YM ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q về

tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo, Nguyễn Văn Q từ 15 đến 18 tháng tù;

Về trách nhiệm D sự: Quá trình điều tra vụ án, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã nhận được tài sản, bị hại đã nhận được số tiền bồi thường tiền công truy tìm tài sản và không ai có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 đôi dép tổ ong màu trắng, dài 27cm, rộng 10cm, đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu đỏ hình trụ, có công tắc bấm màu xanh, một đầu gắn dây vải màu xám - đen; 01 chân dép bên phải màu đen vàng, quai dép mầu đen, cỡ số 39, mặt trên dép in chữ HUACHENG, cũ, đã qua sử dụng.

Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn Đỏ Đen, Số máy JC43E5939253, Số khung 432XBY035181, mang biển kiểm soát 23 M1- 13215; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007595, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 22/3/2018, mang tên Cháng Mí P. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu TENGFA, màu nâu, số máy P50FMG340156689, số khung GDCG034DG000629, mang biển kiểm soát 88H4-5114; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0124372, cấp ngày 29/12/2004 mang tên Nguyễn Văn K và 01 chiếc tua vít bốn cạnh dài 31cm, chuôi dài 10cm có màu xanh trắng của anh Đ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp tại Q định xử lý vật chứng số: 05/QĐXLVC ngày 10 tháng 10 năm 2018.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy hành vi trộm cắp tài sản là sai trái chỉ vì mong muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy của anh Cháng Mí P có giá trị là 11.000.000[đ], các bị cáo đã biết tội, không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại Cháng Mí P đã nhận được tài sản và số tiền bồi thường tiền công truy tìm tài sản là 4.000.000[đ], không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Đ

không yêu cầu các bị cáo trả lại cho bà số tiền 4.000.000đ bà đã bồi thường cho bị hại; quá trình điều tra những người có quyền lợi liên quan đều xác nhận đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật để làm gương, giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Q định truy tố của Viện kiểm sát nhân D huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bản thân các bị cáo biết mình đã sai là trộm cắp tài sản của anh Phừ, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các lời khai và lời nhận tội của các bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q một lần nữa thừa nhận đã thực hiện hành vi: Khoảng 03 giờ sáng ngày 28/8/2018, tại thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Nguyễn Văn Đ đã chủ động bàn bạc, rủ rê Nguyễn Văn Q cùng lén lút trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn Đỏ - Đen, Số máy JC43E5939253, Số khung 432XBY035181, mang biển kiểm soát 23M1-13215 của anh Cháng Mí P có giá trị 11.000.000đ, nhằm mục đích tháo lấy phụ tùng của xe bán lấy tiền chia nhau tiêu sài, sau khi trộm cắp được chúng đem xe đi cất giấu tại bụi cây cạnh đường thuộc thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang thì bị phát hiện và bị bắt. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D huyện Y truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân D huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm pháp luật hình sự. Chỉ vì muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, trong khi các bị cáo là người khỏe mạnh, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền về tài sản của người khác là thiêng liêng bất khả xâm phạm, bất kỳ ai chiếm hữu trái phép tài sản của người khác đều trái pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội, nhưng các bị cáo vẫn cố ý trực tiếp với mục đích chiếm đoạt được tài sản của anh Phừ. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn tại địa phương gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân D; Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò là đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Q cùng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Q thấy bị cáo Đ rủ rê mình đi trộm cắp mà không can ngăn mà đồng ý ngay cùng thực hiện hành vi trộm cắp, mặt khác bị cáo Q đã từng bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy mặc dù đã chấp hành xong hình phạt tù tuy nhiên chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Đ có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Q có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tác động cho bà Triệu Thị Đ bồi thường tiền công truy tìm tài sản cho bị hại với số tiền 4.000.000^{đ} nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; người phạm tội là người D tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế.

[4] Về trách nhiệm D sự: Quá trình điều tra vụ án, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã nhận được tài sản, bị hại đã nhận được số tiền bồi thường tiền công truy tìm tài sản và không ai có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng gồm: 01 đôi dép tổ ong màu trắng, dài 27cm, rộng 10cm, đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu đỏ hình trụ, có công tắc bấm màu xanh, một đầu gắn dây vải màu xám - đen; 01 chân dép bên phải màu đen

vàng, quai dép mầu đen, cỡ số 39, mặt trên dép in chữ HUACHENG, cũ, đã qua sử dụng. Xét thấy các vật chứng trên không có giá trị sử dụng cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn Đỏ Đen, Số máy JC43E5939253, Số khung 432XBY035181, mang biển kiểm soát 23 M1- 13215; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007595, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 22/3/2018, mang tên Cháng Mí P là tài sản các bị cáo đã trộm cắp của anh Phừ. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu TENGFA, màu nâu, số máy P50FMG340156689, số khung GDCG034DG000629, mang biển kiểm soát 88H4-5114; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0124372, cấp ngày 29/12/2004 mang tên Nguyễn Văn K là tài sản của anh D mua của bị cáo Đ ngày 25/8/2018, sau khi bán xe cho anh D, Đ mượn lại mấy hôm và sử dụng để đi trộm cắp, anh D không biết và 01 chiếc tua vít bốn cạnh dài 31cm, chuôi dài 10cm có màu xanh trắng của anh Đ do bị cáo Q mượn. Tại Q định xử lý vật chứng số: 05/QĐXLVC ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là đúng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hành vi, Q định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 07/9/2018;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 01/9/2018;

2. Xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng gồm : 01 đôi dép tổ ong màu trắng, dài 27cm, rộng 10cm, đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu đỏ hình trụ, có công tắc bấm màu xanh, một đầu gắn dây vải màu xám - đen; 01 chân dép bên phải màu đen vàng, quai dép mầu đen, cỡ số 39, mặt trên dép in chữ HUACHENG, cũ, đã qua sử dụng (*theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang*).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo; bị hại; Người CQL,NVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh